

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 02 năm 2025
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh
Bà Nguyễn Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Cao Thiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 387/2024/TLST-HNGĐ ngày 21-11-2024 về việc “Yêu cầu ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-01-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 12, ấp P, xã H, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 12, ấp P, xã H, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H và ông D chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/33, quyển số 01/2003 ngày 14/10/2003 tại UBND xã Phước Hưng, huyện Long Điền (nay là huyện Long Đất), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn

hai vợ chồng chung sống tại ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D đánh bạc, không lo tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 17/4/2001. Các con hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông và bà H có tình cảm, yêu thương và tự nguyện kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/33, quyển số 01/2003 ngày 14/10/2003 tại UBND xã Phước Hưng, huyện Long Đất (trước đây là huyện Long Điền), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa trầm trọng như trong đơn khởi kiện mà bà H trình bày. Nay bà H yêu cầu được ly hôn thì ông không đồng ý, vì hiện nay ông và bà vẫn sống chung trong một nhà, vẫn sinh hoạt gia đình bình thường, và mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

Nếu trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 17/4/2001. Các con hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn D mặc dù được Tòa triệu tập hợp lệ tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, đã vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông D có cung cấp lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 12 năm 2024.

Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/33, quyển số 01/2003 ngày 14/10/2003 tại UBND xã Phước Hưng, huyện

Long Điền (nay là huyện Long Đất), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D chơi cờ bạc, không lo tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần. Nay bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D. Quá trình giải quyết vụ án ông D không có mặt theo triệu tập của Tòa mặc dù được triệu tập hợp lệ, ông D có cung cấp lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 12 năm 2024 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh hôn nhân giữa ông D, bà H đang hạnh phúc.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà H và ông D xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 17/4/2001. Các con hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, vì vậy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966, có hộ khẩu thường trú tại tổ 12, ấp P, xã H, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn D mặc dù được Tòa triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/33, quyển số 01/2003 ngày 14/10/2003 tại UBND xã Phước Hưng, huyện Long Điền (nay là huyện Long Đất), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vì vậy, hôn nhân giữa bà H và ông D hình thành cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng bà H và ông D sống hạnh phúc, sau một thời gian thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông D đánh bạc dẫn đến nợ nần. Tại đơn khởi kiện và bản khai, nguyên đơn bà H xác định hiện nay không còn tình cảm với ông D, vợ chồng không thể sống chung vì không giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm không có sự chia sẻ đồng cảm trong cuộc sống và không thể hàn gắn được. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông D cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, đến nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Vì vậy ông D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị Tòa bác đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ tài liệu, cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H và ông D đều xác nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp, dựa trên nền tảng tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hưng. Đồng thời, ông bà cũng trình bày thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó có xảy ra mâu thuẫn. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D tH xuyên đánh bạc dẫn đến cảnh nợ nần, từ đó vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn cãi vã, không có sự chia sẻ và đồng cảm trong đời sống vợ chồng. Ông D cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nhỏ nhặt, không đến mức trầm trọng để ly hôn nhưng không đưa ra được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là gì và cụ thể mâu thuẫn đó là gì, không đưa ra được lập luận và căn cứ để cho rằng đời sống vợ chồng đang hạnh phúc. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông D được triệu tập để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia các phiên tòa để trình bày ý kiến cụ thể, nhưng ông D không có mặt và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa. Từ đó cho thấy ông D không đưa ra được căn cứ cho rằng hôn nhân của ông bà đang hạnh phúc, đồng thời tại biên bản lấy lời khai ông D cũng không phủ nhận việc bà H cho rằng ông D đánh bạc dẫn đến gia đình lâm vào cảnh nợ nần.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông D đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 17/4/2001. Các con hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông D xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc “Ly hôn” với ông Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D có 02 con chung tên Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Thị H2 sinh ngày 17/4/2001. Các con hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003890 ngày 20-11-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện Long Đất). Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc

được niêm yết theo quy định đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Đất;
- Chi cục THADS huyện Long Đất;
- UBND xã Phước Hưng;
- Tòa án tỉnh; VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Na